ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.18.0010	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 10/01/2018

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.18.01.021

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 03/01/2018

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.18.0010	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 10/01/2018

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.18.01.021	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	5,3	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,16	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	21	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	9	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$20,6x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$4,03x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,42	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	3	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,8	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,73	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.18.0011	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 10/01/2018

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước đầu vào nhà máy nước : QT.18.01.022

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 03/01/2018

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.18.0011	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 10/01/2018

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2015 (A2)
				QT.18.01.022	
1	Màu	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	61,6	-
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	-
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	23	-
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6-8,5
5	Tổng cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	15	-
6	TDS	SMEWW 2540 C	mg/l	78	-
7	SO_4^{2-}	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)(2012)	mg/l	9	-
8	F^-	TCVN 6494-1:2011	mg/l	<0,02	1,5
9	CN^-	SMEWW 4500-CN^-	mg/l	0,005	0,05
10	H_2S	HACH method 8131	mg/l	0,05	-
11	Cl^-	TCVN 6194:1996	mg/l	6	350
12	$N – NO_2$	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2005)	mg/l	<0,010	0,05
13	$N – NO_3$	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2005)	mg/l	0,47	5
14	$N – NH_4$	TCVN 6179:1996	mg/l	0,035	0,3
15	Tổng Fe	SMEWW 3125B:2012	mg/l	0,567	1
16	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$39,5x10^{-3}$	0,2
17	Cu	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$3,22x10^{-3}$	0,2
18	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,750x10^{-3}$	0,02
19	Zn	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$40,6x10^{-3}$	1,0
20	Ni	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$2,53x10^{-3}$	0,1
21	Cd	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,440x10^{-3}$	0,005
22	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$1,33x10^{-3}$	0,1
23	As	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$0,172x10^{-3}$	0,02
24	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$<0,680x10^{-3}$	0,001
25	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/l	0,704	-
26	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/l	2,35	-
27	Se	SMEWW 3125B:2012	mg/l	KPH	-
28	Chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/l	1,3	-
29	Phenol	TCVN 6216 : 1996	mg/l	<0,001	0,005
30	Monocloramin	SMEWW 4500 – Cl G	µg/l	<1	-
31	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	7500	5000
32	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	21	50

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE
VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment
Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.18.0044

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/01/2018

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.18.01.094

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 10/01/2018

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.18.0044	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 17/01/2018

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm QT.18.01.094	QCVN 01: 2009/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,13	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	24	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	9	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$28,3x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$4,94x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,68	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,4	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,73	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140
Fax:08.38423670, 38455140

QT.18.0054

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 24/01/2018

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.18.01.126

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 17/01/2018

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.18.0054	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 24/01/2018

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.18.01.126	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,18	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	23	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	8	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$40,1x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$5,12x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,72	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	7	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,3	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh ĐT: 08.38446262-65, 08.38455140 Fax:08.38423670, 38455140
QT.18.0064	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 31/01/2018

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy : QT.18.01.136

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 24/01/2018

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH PHÒNG QT&PTMT	VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THẾ TIẾN

AOSC VLAT - 0108

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.18.0064	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 31/01/2018

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT.18.01.136	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2008	mg/l Pt	5,8	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,18	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Độ cứng	ISO 6059:1984 (E)	$mgCaCO_3/l$	43	300
6	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	mg/l	23	250
7	Sắt tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$28,9x10^{-3}$	0,3
8	Mangan tổng số	SMEWW 3125B:2012	mg/l	$5,11x10^{-3}$	0,3
9	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2 (B) (2012)	mg/l	<0,010	3
10	Hàm lượng Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3 (E) (2012)	mg/l	0,91	50
11	Hàm lượng Sunphat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} (E)	mg/l	5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	0,3	2
13	Clo dư	SMEWW 4500-Cl	mg/l	0,47	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0
15	E. Coli	TCVN 6187-2:2009	Vi khuẩn /100ml	0	0

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.